

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000185 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 31 tháng 05 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số . . . /QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày . . . tháng . . . năm 2007)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Địa chỉ : 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại : (84 - 31) 3 836 705

Fax: (84 - 31) 3 836 104

Website : www.viconship.com

Email : viconship@hn.vnn.vn

Phụ trách công bố thông tin:

* Họ tên : Ông Lê Thế Trung

* Chức vụ : Phó Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty cổ phần Container Việt Nam

* Điện thoại : (84 - 31) 3 836 705

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ : 09 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 8) 9 302 428

Fax: (84 - 8) 9 302 423

Chi nhánh Công ty TNHH Chứng Khoán ACB

Địa chỉ : 95 - 97 Trần Quốc Toản, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại : (84 - 4) 9 429 396

Fax: (84 - 4) 9 429 656

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000185 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 31 tháng 05 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Công ty cổ phần Container Việt Nam
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 8.037.334 (tám triệu không trăm ba bảy nghìn ba trăm ba tư) cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 80.373.340.000 (tám mươi tỷ ba trăm bảy ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng
TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	: CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
Chi nhánh Hồ Chí Minh	: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Số điện thoại giao dịch	: (84 - 8) 8 205 944
Số fax giao dịch	: (84 - 8) 8 205 942
TỔ CHỨC TƯ VẤN	: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
Địa chỉ trụ sở chính	: 09 Lê Ngô Cát, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	: 95 - 97 Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Số điện thoại giao dịch	: (84 - 4) 9 429 396
Số fax giao dịch	: (84 - 4) 9 429 656

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp.....	6
3.	Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
4.	Rủi ro khác.....	7
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1.	Tổ chức niêm yết.....	8
2.	Tổ chức tư vấn.....	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.1.	Quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.2.	Một số thông tin cơ bản về Công ty.....	13
1.3.	Ngành nghề kinh doanh.....	13
1.4.	Vốn điều lệ.....	14
2.	Cơ cấu tổ chức công ty.....	14
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	17
3.1.	Đại hội đồng cổ đông.....	18
3.2.	Hội đồng quản trị.....	18
3.3.	Ban kiểm soát.....	18
3.4.	Ban Tổng Giám đốc.....	18
3.5.	Các phòng, ban chức năng.....	18
3.6.	Các công ty thành viên, chi nhánh trong Công ty:.....	19
4.	Danh sách cổ đông.....	19
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.....	19
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	20
4.3.	Cơ cấu cổ đông.....	20
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi	

phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	20
6. Hoạt động kinh doanh.....	22
6.1. Hoạt động kinh doanh chính.....	22
6.2. Sản lượng giá trị dịch vụ qua các năm.....	28
6.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần toàn công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh	28
6.2.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp toàn công ty	29
6.3. Nhiên liệu.....	30
6.4. Chi phí sản xuất	30
6.5. Trình độ công nghệ.....	31
6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	33
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	34
6.8. Hoạt động Marketing.....	35
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	36
6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	37
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	38
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty trong 2 năm gần nhất	38
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	38
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	39
8.1. Vị thế của công ty trong ngành.....	39
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	40
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	41
9. Chính sách đối với người lao động.....	42
9.1. Số lượng người lao động trong công ty	42
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	42
10. Chính sách cổ tức.....	43
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	43
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	43
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	48

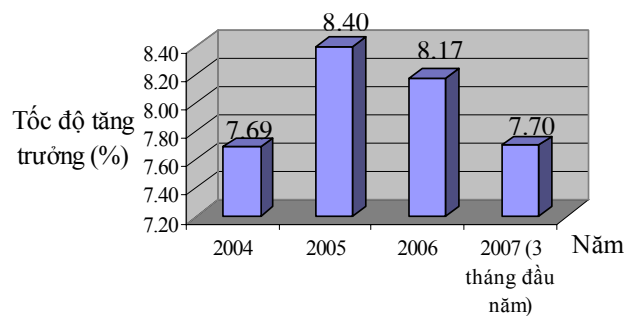
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	49
12.1.	Hội đồng quản trị	49
12.2.	Ban Tổng Giám đốc	58
12.3.	Ban Kiểm soát.....	58
12.4.	Kế toán trưởng	61
13.	Tài sản.....	61
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	62
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	63
16.	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua.....	64
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	65
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết.....	65
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	66
1.	Loại Chứng khoán.....	66
2.	Mệnh giá	66
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	66
4.	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	66
4.1.	Đối với cổ đông sáng lập	66
4.2.	Đối với thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng.....	66
5.	Phương pháp tính giá	67
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	67
7.	Các loại thuế có liên quan.....	68
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	69
VII.	PHỤ LỤC.....	69
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	69
2.	Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với điều lệ mẫu Công ty niêm yết	69
3.	Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán vốn	69
4.	Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết	69
5.	Phụ lục V: Báo cáo kiểm toán (<i>nguyên văn báo cáo kiểm toán</i>)	69
6.	Phụ lục VI: Các báo cáo tài chính.....	69
7.	Các phụ lục khác.....	69

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Hiện nay, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty tập trung vào cung cấp các dịch vụ đại lý container, xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho, bến bãi, vận tải hàng hóa, khai thác cảng biển ... Tất cả các dịch vụ Công ty hiện đang cung cấp có liên quan mật thiết với hoạt động xuất nhập khẩu. Chính vì vậy, bất kỳ sự biến động nào của nền kinh tế có ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu đều gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong điều kiện nền kinh tế đất nước đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh như hiện nay, khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu hàng năm nói chung và thông qua đường vận tải thủy nói riêng có xu thế gia tăng. Như vậy, rủi ro biến động tăng trưởng của nền kinh tế đối với Công ty là không cao.



Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của WTO năm 2006. Điều này cũng đồng nghĩa với việc sự cạnh tranh trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế nói chung và trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng hải nói riêng sẽ ngày càng trở nên gay gắt. Cùng với lộ trình Việt Nam phải thực hiện sau khi gia nhập WTO, các hãng tàu nước ngoài được phép mở chi nhánh 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, do đó thị phần của các doanh nghiệp trong nước về dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa sẽ ngày càng bị thu hẹp. Đây cũng chính là rủi ro chung mà tất cả các Công ty cung cấp dịch vụ hàng hải, trong đó có Công ty phải đối mặt.

2. Rủi ro về luật pháp

Dự kiến năm 2008, các chế độ bảo hộ đối với lĩnh vực vận tải nội địa bằng đường biển sẽ được dỡ bỏ tại Việt Nam. Như vậy, đến lúc đó sẽ không còn tồn tại sự phân biệt cao thấp giữa tàu nước ngoài và tàu trong nước về chi phí nâng hạ, cảng phí và một số loại phí khác như hiện nay nữa. Điều này sẽ gây ra những ảnh hưởng nhất định đến doanh thu và

lợi nhuận của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng hải nói chung và Công ty nói riêng.

3. Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước, hoạt động của các hãng tàu lớn là đối tác của Công ty. Do đó biến động trong kinh doanh của các khách hàng lớn, khách hàng thường xuyên nói riêng và biến động của thị trường hàng hải thế giới nói chung sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, hiện nay quan hệ đối tác của Công ty với khách hàng là các hãng tàu lớn đang trong quá trình phát triển hết sức tích cực. Vì vậy những sự biến động theo chiều hướng tiêu cực ít có khả năng xảy ra, ít nhất là trong vòng 3 năm tới.

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh mà cước phí các loại dịch vụ Công ty hiện đang cung cấp được các khách hàng thanh toán chủ yếu bằng ngoại tệ. Đồng thời Công ty cũng phải sử dụng ngoại tệ để thanh toán cho những giao dịch mua sắm, đổi mới phương tiện thiết bị chuyên dùng. Vì vậy, Công ty thường xuyên phải đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá, điều này có thể gây những ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Cũng xuất phát từ đặc thù kinh doanh, Công ty hiện đang sử dụng nguồn vốn vay dài hạn từ Ngân hàng bằng đồng USD với lãi suất thả nổi. Vì vậy, nếu lãi suất tăng cao sẽ gây áp lực cho Công ty trong việc trả lãi vay và có thể gây ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn nói chung và kết quả kinh doanh nói riêng.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hoả hoạn, động đất cũng là những yếu tố có thể gây thiệt hại trực tiếp tới hành trình cập cảng của tàu, hệ thống kho cảng, bến bãi và hàng hoá giao nhận của khách hàng. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hoá của Công ty và của khách hàng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông : Nguyễn Việt Hòa Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc

Ông : Trần Xuân Bạo Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà : Bùi Thị Bích Loan Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Tuấn Long

Chức vụ : Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Container Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Container Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- | | |
|---------------------|---|
| 1. Công ty | Công ty cổ phần Container Việt Nam |
| 2. Tổ chức niêm yết | Công ty cổ phần Container Việt Nam |
| 3. Cổ phiếu | Cổ phiếu Công ty cổ phần Container Việt Nam |
| 4. Viconship | Công ty cổ phần Container Việt Nam |
| 5. Điều lệ | Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Container Việt Nam |
| 6. ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| 7. HĐQT | Hội đồng quản trị |
| 8. BKS | Ban Kiểm soát |
| 9. TGD | Tổng Giám đốc |
| 10. BCTC | Báo cáo tài chính |

11. <i>TSCD</i>	Tài sản cố định
12. <i>TNHH</i>	Trách nhiệm hữu hạn
13. <i>TEU</i>	Đơn vị container
14. <i>CFS</i>	Container Freight Station
15. <i>MSC</i>	Mediterranean Shipping Company (Tên hãng tàu)
16. <i>TSL</i>	T.S Lines (Tên hãng tàu)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. *Quá trình hình thành và phát triển*

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Container Việt Nam được thành lập theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số: 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty ngay từ khi thành lập là: Cung cấp các dịch vụ về đại lý tàu biển, đại lý giao nhận cho các hãng tàu Container nước ngoài, bốc xếp, vận chuyển Container, khai thác kho bãi... Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động dịch vụ vận tải bằng Container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường, sau 10 năm hoạt động (1985 - 1995), Công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.

- ✚ Tháng 2 năm 1995, Công ty đã cùng với 5 đối tác của Nhật Bản là: Kanematsu Corporation, Suzue Corporation, Meiko trans Co.Ltd, Kamigumi Co.Ltd, Honda Trading Corporation, ký kết hợp đồng thành lập Công ty liên doanh vận tải quốc tế Nhật Việt (VIJACO) với tổng vốn điều lệ 5 triệu USD, tỷ lệ vốn góp giữa các bên là 50/50.

- ✚ Giai đoạn (1995-2000) đánh dấu thời kỳ phát triển mạnh về chuyển đổi cơ cấu tổ chức, mô hình doanh nghiệp, mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất cũng như phạm vi hoạt động:
 - ✓ Tháng 1 năm 1999 cổ phần hoá một phần giá trị doanh nghiệp, thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận chuyển quốc tế (INFACON) trụ sở tại TP. Hải Phòng;
 - ✓ Tháng 1 năm 2000 tiếp tục cổ phần hoá đơn vị thành viên, thành lập Công ty cổ phần Container Miền Trung (CENVICO) tại TP. Đà Nẵng;
 - ✓ Ngày 01 tháng 04 năm 2002 cổ phần hoá toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty cổ phần Container Phía Bắc, sau khi đã chia tách VIJACO bàn giao lại cho Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam trực tiếp quản lý. Tháng 6 năm 2002 sáp nhập hai đơn vị: Công ty cổ phần Giao nhận vận chuyển Container Quốc tế và Công ty cổ phần Container Miền Trung vào Công ty cổ phần Container Phía Bắc và đổi tên thành Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Về tổ chức, Công ty đã mở rộng và phát triển thêm nhiều đơn vị thành viên, các chi nhánh, văn phòng đại diện rộng khắp cả nước như tại thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng... nhằm tăng cường và mở rộng hệ thống Marketing, giữ vững và phát triển thị phần dịch vụ Container trong điều kiện có nhiều đơn vị mới ra đời cùng cạnh tranh dịch vụ này. Cho đến nay, Công ty đã khá hoàn thiện về mô hình tổ chức với hệ thống các đơn vị thành viên trải khắp ba Miền Bắc, Trung, Nam.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã chú trọng cho công tác đầu tư phát triển: Giai đoạn 2003 – 2005, Công ty đã triển khai và hoàn thành dự án xây dựng mới 02 cầu tàu cho tàu biển loại 10.000 DWT; mua sắm, lắp đặt 02 cần trục chân đế có tầm với 32m tại cầu cảng; mua 01 xe nâng container hàng PPM sức nâng 45 tấn, 02 xe nâng container khung mang (Straddle Carrier), 02 xe nâng vỏ container và đầu tư xây dựng cảng Green Port với tổng giá trị đầu tư gần 100 tỷ đồng. Năm 2006, Công ty cũng đã tiến hành đầu tư xây dựng cải tạo nhiều hạng mục công trình, mua sắm thêm các trang thiết bị mới phục vụ cho công việc. Điển hình phải kể đến là vào tháng 01/2006, Công ty đã hoàn thành và đưa vào khai thác cầu tàu số 2 có chiều dài 108,5m, chiều rộng 25m cùng với cần trục số 2 – LIEBHERR có sức nâng 40 tấn, tầm với 32m. Trong quý 1/2007 Công ty đã đầu

tư tiếp và đưa vào sử dụng cần trục số 3 – LIEBHERR tương tự như cần trục số 2, 05 xe nâng Container khung mang (Straddle Carrier).

Với những nỗ lực của Công ty và những thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động, phát triển, Công ty không chỉ vinh dự được Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý mà còn được các tổ chức danh tiếng quốc tế và trong nước trao tặng nhiều giải thưởng, chứng nhận về tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Những danh hiệu Công ty được Nhà nước trao tặng:

- * Huân chương lao động hạng 3 (năm 1995);
- * Huân chương lao động hạng 2 (năm 2000);
- * Huân chương lao động hạng nhất (năm 2005).

Những giải thưởng, chứng nhận về tiêu chuẩn quản lý chất lượng:

- * Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000



do tổ chức chứng nhận quốc tế SGS (trụ sở tại Thụy Sĩ) cấp ngày 29/05/2001;

- * Chứng nhận cảng biển phù hợp (Statement of compliance of a port facility) ngày 28/06/2004:



- * Cúp và giấy chứng nhận giải thưởng vận tải quốc tế lần thứ 9, giải thưởng thiên niên kỷ mới:



do tổ chức “Leader Club” (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng ngày 09/10/2006;

- * Giấy chứng nhận và biểu trưng “Doanh nghiệp uy tín và Chất lượng Việt Nam” do Bộ Thương mại cấp ngày 10/11/2006;



- * Thành viên đồng (ngày 08/06/2006), thành viên bạc (18/09/2006) trên cổng thương mại điện tử quốc gia do Bộ thương mại bình chọn;
- * Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006



do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng ngày 23/11/2006;

- * Cúp vàng Topten ngành hàng thương hiệu Việt uy tín – chất lượng năm 2007



do Liên hiệp các hội KH – KT Việt Nam và Mạng thương hiệu Việt trao tặng.

1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty

- ♦ Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM**
- ♦ Tên tiếng Anh **VIETNAM CONTAINER SHIPPING JOINT-STOCK COMPANY**
- ♦ Tên viết tắt **Viconship**
- ♦ Trụ sở chính của Công ty **11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng**
- ♦ Điện thoại **(84 - 31) 3 836 705**
- ♦ Fax **(84 - 31) 3 836 104**
- ♦ Website www.viconship.com
- ♦ Email viconship@hn.vnn.vn

- ♦ Biểu tượng Công ty



1.3. Ngành nghề kinh doanh

- * Dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- * Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá;

- * Kinh doanh hàng lâm sản xuất khẩu; kinh doanh kho, bến bãi;
- * Vận tải, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng dự án, hàng quá cảnh;
- * Kinh doanh xăng dầu, phụ tùng, phương tiện, thiết bị;
- * Sửa chữa đóng mới và cho thuê Container;
- * Khai thác cảng biển; khai thác vận tải ven biển.

1.4. Vốn điều lệ

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0203000185 ngày 31 tháng 05 năm 2007 (thay đổi lần thứ 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 80.373.340.000 (tám mươi tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng, tương ứng với 8.037.334 (tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tư) cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty:

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng	Vốn điều lệ (đồng)
Khi thành lập			25.179.000.000
Sau khi sáp nhập	18.080.000.000	Sáp nhập Infacon và Cenvico	43.259.000.000
Tháng 6/2004	12.917.500.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.176.500.000
Tháng 10/2004	825.000.000	Phát hành cổ phiếu cho CBCNV trong Công ty	57.001.500.000
Tháng 3/2006	990.000.000	Phát hành cổ phiếu cho CBCNV trong Công ty	57.991.500.000
Tháng 03/2007	15.076.670.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu (5% trả cổ tức bằng cổ phiếu; 10% phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu)	73.068.170.000
Tháng 05/2007	7.305.170.000	Trả cổ phiếu thưởng 10%	80.373.340.000

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua

ngày 29 tháng 11 năm 2005. Các Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần Container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 14 tháng 02 năm 2007.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam như sau:

*** Đơn vị thành viên**

- ◆ Công ty TNHH Giao nhận vận chuyển Container Quốc tế;
- ◆ Công ty TNHH Container Miền Trung;
- ◆ Công ty TNHH tuyến T.S;
- ◆ Công ty TNHH Toàn Cầu Xanh;
- ◆ Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh;
- ◆ Cảng Green Port.

*** Đơn vị liên doanh và liên kết**

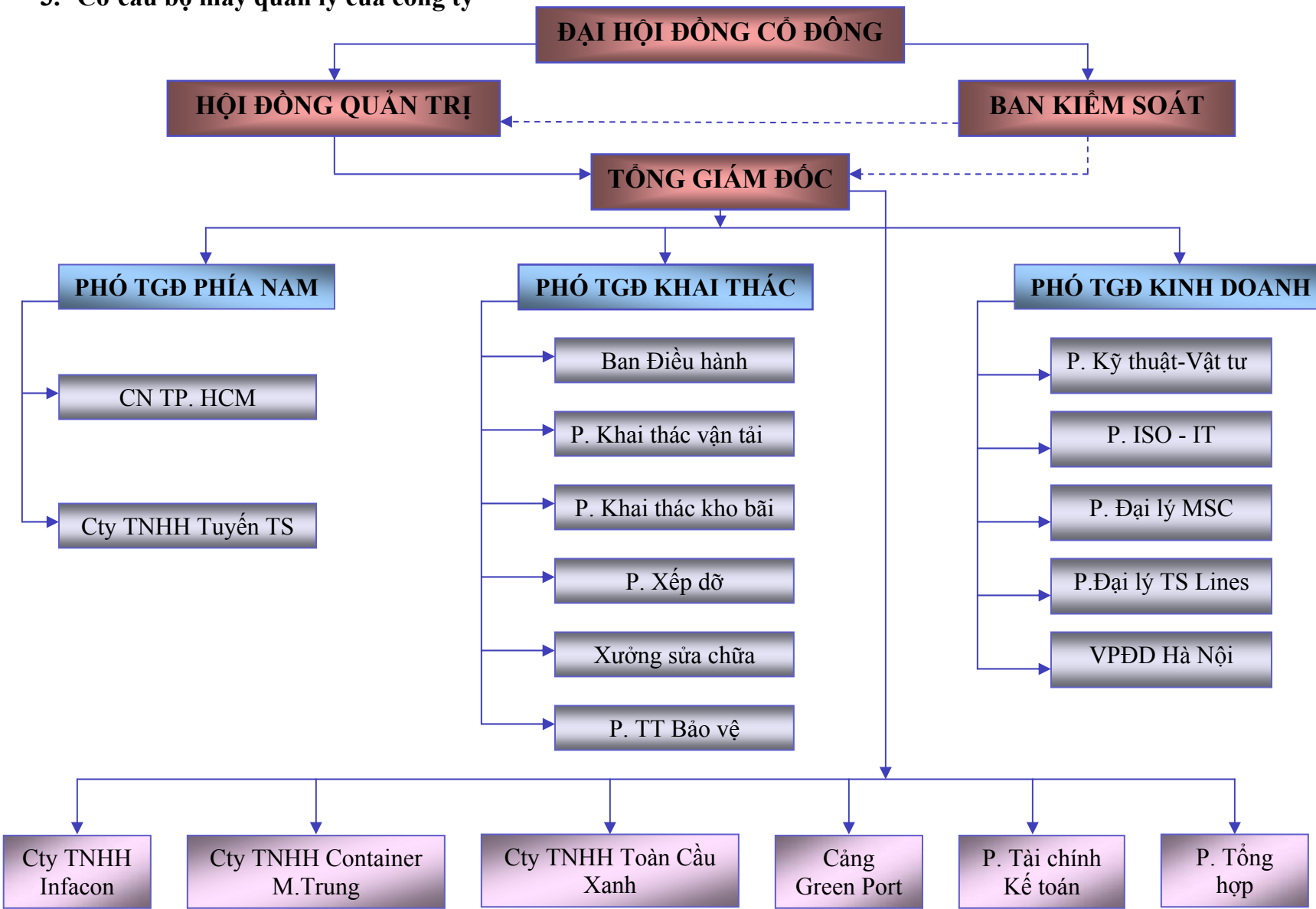
- ◆ Công ty Liên doanh MSC Việt Nam;
Vốn điều lệ: 200.000 USD, trong đó Viconship đóng góp 29% vốn điều lệ.
- ◆ CTCP Tiếp vận xanh (Green Logistics).
Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng, trong đó Viconship đóng góp 30,33% vốn điều lệ.

*** Các phòng, ban trong Công ty**

- ◆ Phòng Tài chính - Kế toán;
- ◆ Phòng Tổng hợp;
- ◆ Phòng Kỹ thuật - Vật tư;
- ◆ Ban Điều hành sản xuất kinh doanh;
- ◆ Phòng Khai thác vận tải;
- ◆ Phòng khai thác kho bãi;
- ◆ Phòng Xếp dỡ;
- ◆ Xưởng sửa chữa;
- ◆ Phòng Thanh tra bảo vệ;

- ♦ Phòng ISO- IT;
- ♦ Phòng Đại lý MSC;
- ♦ Phòng Đại lý TS. Line;
- ♦ Văn phòng đại diện tại Hà Nội.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty...

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Công ty có 09 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban tổng giám đốc, BKS do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam gồm có 04 thành viên, trong đó có Tổng Giám đốc và 03 Phó tổng giám đốc. TGD là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty. TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.5. Các phòng, ban chức năng

- Các phòng đại lý MSC, Đại lý TSL, Khai thác kho bãi, Khai thác vận tải, Xếp dỡ, Xưởng sửa chữa và đại diện Hà Nội: được tổ chức chuyên môn hóa kinh doanh dịch vụ cho từng hãng tàu, từng loại hình hoạt động. Đứng đầu các đơn vị là các trưởng phòng có nhiệm vụ triển khai, tổ chức kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc.

- Các phòng ban quản lý: thực hiện các công việc chức năng theo chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc đạt hiệu quả, năng suất lao động cao.

3.6. Các công ty thành viên, chi nhánh trong Công ty:

- Các công ty TNHH một thành viên: Công ty TNHH giao nhận vận chuyển container quốc tế (INFACON), Công ty TNHH container miền Trung (Viconship Đà Nẵng), Công ty TNHH tuyến T.S, Công ty TNHH vận tải toàn cầu xanh (GREENTRANS) là các đơn vị 100% vốn của Viconship. Các đơn vị này hạch toán độc lập, chủ động thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do HĐQT và Tổng giám đốc giao phù hợp với quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị, tuân thủ pháp luật với các ngành nghề kinh doanh chủ yếu: đại lý tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải; kinh doanh kho bãi; giao nhận vận tải container.
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Cảng Green Port: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty.
 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ khai thác bãi chứa container, vận tải, dịch vụ, môi giới hàng hải, sửa chữa container ở khu vực phía Nam.
 - Cảng Green Port: thực hiện nhiệm vụ khai thác cảng biển, xếp dỡ hàng hoá cho các chủ tàu, chủ hàng xuất nhập khẩu tại Cảng.

4. Danh sách cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Cổ đông	Số Cổ phần	Giá trị (đồng)	Loại cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam <i>Đại diện:</i>	2.263.060	22.630.600.000	Hạn chế	28,16%
Ông Nguyễn Việt Hòa	1.057.461	10.574.610.000	Hạn chế	13,16
Bà Nguyễn Quỳnh Dao	803.733	8.037.330.000	Hạn chế	10
Bà Bùi Thị Bích Loan	401.866	4.018.660.000	Hạn chế	5
Tổng cộng	2.263.060	22.630.600.000		28,16%

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Tại thời điểm năm 2002, sau khi tiến hành cổ phần hóa, chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần, tổng số cổ đông trong Công ty có hơn 400 Cổ đông. Tính đến năm 2007, toàn bộ các hạn chế về chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 03/8/2007:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong Công ty	2.545.422	25.454.220.000	31,67
2	Cổ đông ngoài Công ty	5,491,912	54,919,120,000	68,33
	<u>Tổ chức</u>	<u>2,419,279</u>	<u>24,192,790,000</u>	<u>30,10</u>
	<i>Trong nước</i>	2.419.279	24.192.790.000	30,10
	<i>Nước ngoài</i>	0	0	0
	<u>Cá nhân</u>	3,072,633	30,726,330,000	38,23
	<i>Trong nước</i>	2.994.259	29,942,590,000	37,25
	<i>Nước ngoài</i>	78.374	783.740.000	0,98
	Tổng	8.037.334	80.373.340.000	100

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt nam

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

* Hiện tổ chức đăng ký niêm yết không có công ty mẹ; không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đồng thời không nằm dưới quyền kiểm soát hoặc chi phối của công ty nào.

* Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

Hiện nay Công ty có tất cả 04 công ty con, trong đó Công ty đóng góp 100% vốn điều lệ.

♦ Công ty TNHH giao nhận vận chuyển container Quốc tế (Infacon)

Trụ sở chính : Số 05 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
TP Hải Phòng

Điện thoại : (031) 3 836 205 Fax : (031) 3 836 722

Ngành nghề kinh doanh :

- Đại lý ủy thác, quản lý Container, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đại lý và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh kho, bãi;
- Tổ chức khai thác liên hiệp vận chuyển Container hàng xuất nhập khẩu, hàng hóa quá cảnh bằng các phương tiện;
- Kinh doanh xăng dầu, vật tư, phụ tùng, phương tiện vận tải thủy bộ, máy sản xuất công nghiệp, máy nông nghiệp, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng ...
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.

♦ **Công ty TNHH container Miền trung (Viconship Đà Nẵng)**

Trụ sở chính : Số 75 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại : (84 - 511) 822 922 Fax : (84- 511) 826 111

Ngành nghề kinh doanh :

- Dịch vụ đại lý Container, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận đa phương thức;
- Môi giới hàng hải cho các hãng tàu trong và ngoài nước;
- Vận chuyển, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng hóa quá cảnh;
- Vận tải đa phương thức quốc tế;
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.

♦ **Công ty TNHH tuyến.TS (T.S Lines)**

Trụ sở chính : 119 Điện Biên Phủ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 8) 8 269 641 Fax : (84 - 8) 8 269 648

Ngành nghề kinh doanh :

- Đại lý ủy thác Container;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và nội địa được vận chuyển bằng Container;
- Môi giới hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh bằng các phương tiện;
- Kinh doanh kho bãi chứa hàng và công trình;
- Khai thác cảng biển, kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

♦ **Công ty TNHH Vận tải Toàn Cầu Xanh**

Trụ sở chính : Số 8 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 9 433 947

Fax : (84-8) 8 210 218

Ngành nghề kinh doanh :

- Đại lý ủy thác quản lý container, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và nội địa được vận chuyển bằng container, môi giới hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Tổ chức khai thác liên hiệp vận chuyển container hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh bằng các phương tiện, kinh doanh các dịch vụ khác có liên quan để phục vụ nhu cầu vận tải của khách hàng;
- Kinh doanh kho bãi chứa hàng và công trình;
- Kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh chính

Được thành lập từ năm 1985 cho đến nay, trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, từ hoạt động ban đầu là vận chuyển Container, Công ty đã không ngừng phát triển cả về chất và về lượng. Một mặt Công ty tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng. Việc làm đó có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty. Hiện nay, bên cạnh hoạt động truyền thống ban đầu là vận chuyển container, Công ty đồng thời cung cấp thêm rất nhiều dịch vụ khác tạo nên một chuỗi dịch vụ khép kín, không chỉ đem lại những lợi ích riêng lẻ của từng dịch vụ mà còn đem lại những lợi ích tương hỗ, đa tiện ích cho khách hàng.

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ♦ Kinh doanh cảng quốc tế;
- ♦ Kinh doanh bãi Container;
- ♦ Kinh doanh kho hàng;
- ♦ Đại lý tàu và đại lý giao nhận;
- ♦ Bốc xếp hàng hoá;
- ♦ Hoạt động vận tải bộ.

* Kinh doanh cảng quốc tế

Cảng Viconship (Green Port) có tổng chiều dài tuyến cầu tàu, kè 340 m, độ sâu trước bến - 7,8m, cùng một lúc có thể tiếp nhận hai tàu có tải trọng 10.000 DWT cập bến làm hàng, đảm bảo an toàn, nhanh chóng, thuận tiện.

Trên bến được bố trí 03 cần trục chân đế mang nhãn hiệu Kranbau và Liebherr, với nâng trọng 40 tấn, tầm với 32m, năng suất bốc xếp từ 20 đến 25 Container/cần trục/giờ .

Hoạt động của cảng Green Port hàng năm đem lại doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: doanh thu từ khai thác cảng chiếm tỷ trọng khoảng từ 30 - 40% trong tổng doanh thu hàng năm, lợi nhuận gộp đóng góp khoảng từ 65 - 70% trên tổng lợi nhuận gộp.

Việc Công ty thực hiện chuyển hướng đầu tư và kinh doanh cảng biển là quyết định hết sức quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty trong điều kiện các loại hình kinh doanh truyền thống của Công ty đang ngày càng chịu sức ép cạnh tranh gay gắt từ thị trường. Trong thời gian tới hoạt động kinh doanh cảng sẽ là hoạt động lớn nhất và là tiền đề để Công ty nghiên cứu mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm năng khác.

Cảng Green Port

GREEN PORT - INFORMATION NETWORK



Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

* Kinh doanh bãi Container

Hiện tại, ở Hải Phòng, Viconship đã đầu tư và đang khai thác khu vực bãi Container có tổng diện tích 78.000 m², tương đương sức chứa khoảng 4.000 TEUS. Đây là khu vực đã được Tổng cục Hải quan, Hải quan Hải Phòng công nhận là địa điểm thông quan từ năm 1995. Đây là hành lang pháp lý hết sức quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ hàng xuất, nhập khẩu lưu giữ hàng hóa. Bãi chứa container là một hạng mục nằm trong quần thể của cảng, hoạt động góp phần tạo ra một chuỗi dịch vụ khép kín. Theo thống kê từ phía Công ty đã có những thời điểm bãi container đồng thời phục vụ cho hơn 200 chủ hàng xuất nhập khẩu thường xuyên đến tiếp nhận hoặc chuyển giao hàng.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bãi chứa container, Công ty đã ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin vào việc quản lý container. Cụ thể việc quản lý container được thực hiện theo chương trình phần mềm quản lý container – CMS. Đây là một phần mềm đa tiện ích (và được cập nhật liên tục), nhờ vậy tạo ra sự thuận tiện, nhanh chóng trong việc quản lý container góp phần thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh việc quản lý và khai thác bãi container tại Hải Phòng, Công ty đồng thời quản lý và khai thác hệ thống bãi chứa container tại các khu vực kinh tế trọng điểm khác của đất

nước, đó là: bãi container tại Đà Nẵng có diện tích 15.000 m², với sức chứa 750 TEUS; bãi chứa container tại TP Hồ Chí Minh có diện tích 19.600 m², tương đương với sức chứa 1.000 TEUS.

Bãi Container



Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

* Kinh doanh kho hàng

Hệ thống kho CFS tại Viconship gồm 03 kho với tổng diện tích là 4.448 m², các kho đều đạt tiêu chuẩn để lưu giữ hàng xuất nhập khẩu và được quy hoạch cho từng kho riêng. Thủ tục thông quan, xuất khẩu và nhập khẩu đều được thực hiện ngay tại khu vực kho bãi này.

Hệ thống kho bãi, cảng Viconship được đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Hải quan cửa khẩu khu vực 3 (Hải quan Hải Phòng), có trụ sở chính đặt ngay tại bãi Viconship. Vì vậy, việc hoàn tất các thủ tục thông quan cho các khách hàng xuất nhập khẩu rất nhanh chóng, thuận lợi.

Doanh thu từ hoạt động kho và bãi hàng năm chiếm khoảng 17 - 29% tổng doanh thu và 17 - 23% lợi nhuận của toàn Công ty.

Kho hàng CFS



Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt nam

* Đại lý tàu và đại lý giao nhận

Hiện nay Viconship đang làm tổng đại lý cho các hãng tàu lớn của thế giới như: MSC (Thụy Sĩ), TS Lines (Đài Loan) ... và có quan hệ hợp đồng với hầu hết tất cả các hãng tàu khác có mặt tại Việt Nam. Hệ thống đại lý được tổ chức theo mạng lưới đầy đủ cho các khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam. Các hoạt động chính được thực hiện chủ yếu là đặt trước hàng, quản lý hàng hóa, thiết bị, Container và giao nhận hàng xuất nhập khẩu cho các hãng tàu được uỷ thác. Hoạt động này được gắn kết chặt chẽ với hoạt động của kho bãi, hoạt động bốc xếp, vận chuyển ... nên chất lượng phục vụ đối với các hãng tàu và khách hàng được chủ động, kết nối được các dịch vụ khép kín, có điều kiện giảm chi phí dịch vụ, được nhiều khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm và sử dụng dịch vụ ngày càng nhiều.

Doanh thu và lợi nhuận hoạt động này đem lại hàng năm cho công ty từ 10 - 20%.

* Bốc xếp hàng hoá

Công tác xếp dỡ và đóng rút hàng Container cũng đã được Công ty quan tâm, chú ý và đầu tư kịp thời. Hiện tại, toàn bộ quá trình bốc và xếp Container tại các khu vực kho bãi và cảng đều được thực hiện bởi các thiết bị chuyên dùng. Hơn nữa đội ngũ lái xe nâng đều được đào tạo bài bản và được thực hành xếp dỡ nhiều năm, có nhiều kinh nghiệm xếp dỡ vì vậy chất lượng và thời gian xếp dỡ luôn được đảm bảo. Đây cũng là hoạt động đóng góp tích cực

vào việc hoàn thiện sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp, nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

* Hoạt động vận tải bộ

Hiện nay, Công ty đang quản lý và khai thác các đội xe vận tải Container chuyên dùng, hoạt động trên các tuyến đường bộ. Tính đến thời điểm hiện tại, trên cả ba miền: Bắc, Trung, Nam, Công ty có tổng cộng 53 đầu xe và 65 rơ moóc 20', 40'. Việc kinh doanh vận tải phụ thuộc rất nhiều vào giá cước vận tải từng khu vực. Hiện nay hệ thống giao thông đường bộ của đất nước chưa tạo được sự thuận tiện, chi phí lại cao và có nhiều chi phí phát sinh. Tuy nhiên, việc kinh doanh vận tải hàng năm vẫn đóng góp trên dưới 32% doanh thu và trên 6% lợi nhuận cho Công ty. Ngoài ra hoạt động này còn có ý nghĩa trong việc tạo nên chuỗi dịch vụ khép kín của toàn Công ty trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Hơn nữa, để đảm bảo ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng, Công ty cũng thường xuyên thực hiện sửa chữa, bảo trì, kiểm tra Container; lập trạm cung ứng kinh doanh nhiên liệu, dầu mỡ phụ để có thể chủ động trong việc cung cấp nhiên liệu cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đội xe vận tải Container



Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt nam

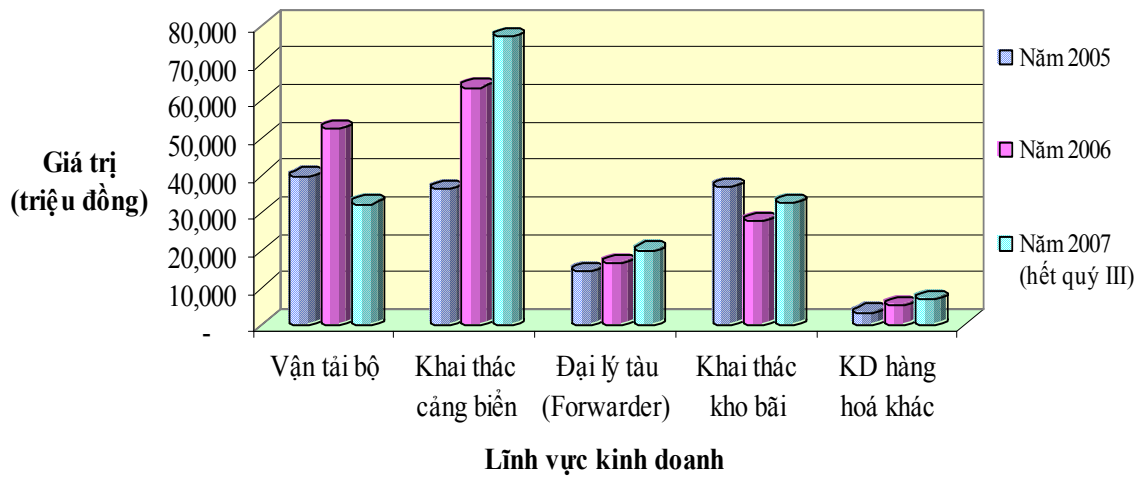
6.2. Sản lượng giá trị dịch vụ qua các năm

6.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần toàn công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007 (hết quý III)	
	Doanh thu (đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (đồng)	Tỷ trọng (%)
Vận tải bộ	39.680.780.283	30,39	52.206.926.689	31,65	32.392.622.109	19,22
Khai thác cảng biển	36.348.574.006	27,84	63.271.086.269	38,36	76.983.499.033	45,68
Đại lý tàu (Forwarder)	14.352.781.488	10,99	16.487.543.522	10,00	19.820.955.522	11,76
Khai thác kho bãi	36.867.408.620	28,23	27.761.218.836	16,83	32.540.461.624	19,31
KD hàng hoá khác	3.330.522.062	2,55	5.222.932.765	3,17	6.803.000.679	4,03
Tổng cộng	130.580.009.316	100	164.949.708.081	100	168.540.538.967	100

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

**Biểu đồ cơ cấu doanh thu các lĩnh vực kinh doanh chính Công ty năm 2005, 2006
& Quý III năm 2007**

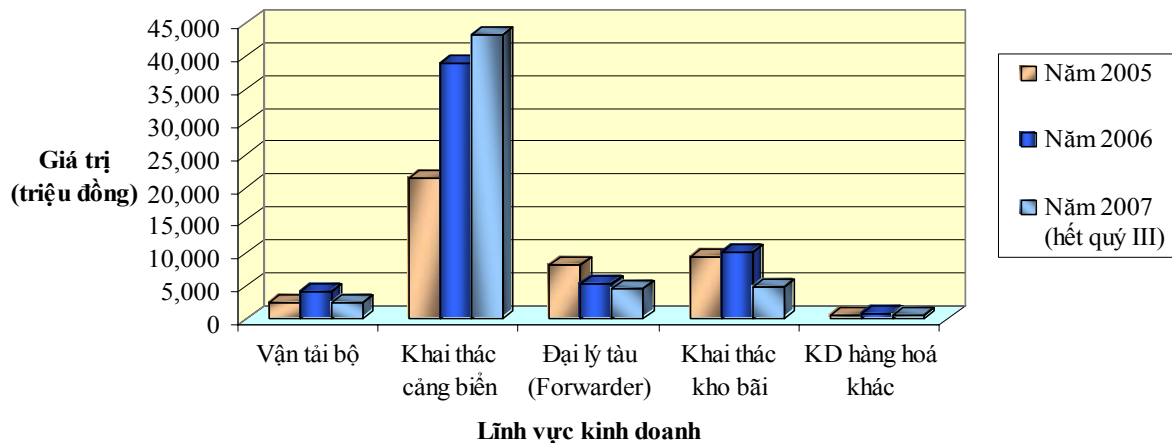


Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

6.2.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp toàn công ty

Hoạt động	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007 (hết Quý III)	
	Lợi nhuận (đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (đồng)	Tỷ trọng (%)
Vận tải bộ	2.529.036.583	6,02	4.143.668.778	7,00	2.573.668.277	4,61
Khai thác cảng biển	21.511.146.614	51,17	38.927.913.609	65,76	43.190.826.161	77,29
Đại lý tàu (Forwarder)	8.145.212.245	19,38	5.326.468.935	9,00	4.736.762.276	8,48
Khai thác kho bãi	9.327.805.624	22,19	10.063.195.603	17,00	4.814.242.579	8,61
KD hàng hoá khác	524.476.411	1,25	734.021.326	1,24	564.486.224	1,01
Tổng cộng	42.037.677.477	100	59.195.268.251	100	55.879.985.517	100

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Biểu đồ cơ cấu lợi nhuận gộp các lĩnh vực kinh doanh chính Công ty năm 2005, 2006

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

6.3. Nhiên liệu

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận chuyển hàng hoá, chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí kinh doanh (khoảng 35 - 40%). Trong những năm vừa qua, giá xăng dầu trên thế giới biến động liên tục và có xu hướng gia tăng nên đã có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty.

Để giảm thiểu ảnh hưởng biến động giá nhiên liệu, Công ty đã nghiên cứu và áp dụng các biện pháp quản trị tiên tiến, thực hiện tinh giản bộ máy, cắt giảm chi phí nhân công theo hướng ổn định về số lượng những lao động nòng cốt, có trình độ. Hơn nữa, Công ty còn nhận làm đại lý của Petrolimex, điều này góp phần tạo tính chủ động cho Công ty đối với nguồn nhiên liệu, đảm bảo cung cấp một cách tương đối ổn định, kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

6.4. Chi phí sản xuất

Yếu tố	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007 (hết quý III)	
	Giá trị (đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	% Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	88.542.331.839	67,81	105.754.439.830	64,11	112.660.553.450	66,84
Chi phí bán hàng	103.564.623	0,08	74.317.725	0,05	36.363.636	0,02
Chi phí quản lý	9.145.965.687	7,00	10.900.033.921	6,61	8.501.044.320	5,04
Tổng cộng	97.791.862.149	74,89	116.728.791.476	70,77	121.197.961.406	71,90

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2005, 2006; BCTC quý III năm 2007 của CTCP Container Việt Nam

Tỷ trọng chi phí kinh doanh trên doanh thu thuần Công ty trong những năm vừa qua đều có xu hướng giảm chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả, khả năng quản lý và kiểm soát chi phí tốt. Trong khi đó doanh thu lại tăng (130.580.066.459 đ năm 2005 lên 164.950.795.225 đ năm 2006) đã tạo nên hệ quả tất yếu là lợi nhuận hoạt động (lãi gộp) tăng (42.037.677.477 đ năm 2005 lên 59.195.268.251 đ năm 2006), làm tăng giá trị vốn cổ đông Công ty.

6.5. Trình độ công nghệ

Trải qua hơn 20 năm trưởng thành và phát triển, Viconship đã thực hiện thành công chiến lược đa dạng hoá kinh doanh, các hoạt động kinh doanh riêng biệt được liên kết với nhau tạo thành chuỗi dịch vụ khép kín, hoàn hảo đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Để thực hiện được điều đó, Công ty đã liên tục đầu tư, phát triển một cách đồng bộ các lĩnh vực kinh doanh mới về cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị, con người cho từng lĩnh vực. Trong năm 2004, 2005 Công ty đã quyết định đầu tư đúng lúc, kịp thời và đưa vào sử dụng cầu cảng Green Port, và hàng loạt máy móc thiết bị hiện đại. Có thể nói Cảng Green Port ra đời đã tạo ra bước ngoặt lớn trong hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay cũng như trong tương lai, phù hợp với xu thế phát triển của ngành hàng hải nói chung và đất nước nói riêng. Cảng Green Port được các chủ tàu, chủ hàng đánh giá cao về độ sâu, hệ thống cầu tàu, kho bãi, năng lực xếp dỡ so với các cảng khác có cùng quy mô trên địa bàn TP. Hải Phòng.

* Hệ thống cầu tàu (Cho tàu trọng tải 10.000DWT)

THÀNH PHẦN	ĐƠN VỊ	CẦU TÀU SỐ 1	CẦU TÀU SỐ 2
Chiều dài	M	160c + 20k	108c + 52k
Chiều rộng	M	25	25
Độ sâu nước	M	-7.8	-7.8
Hàng hoá		Container và Các loại hàng hoá khác	Container và Các loại hàng hoá khác
Công suất cảng	Tấn/năm	> 600.000	>600.000
Định mức bốc dỡ hàng hoá:			
+ Container	Container/giờ	18-25 ¹	18-25
+ Các loại hàng hoá khác	Tấn/ngày	5.000	5.000

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

¹ - Đây là công suất hoạt động trong 01 giờ của 01 cần trục;

- Hiện tại có tất cả 03 cần trục công suất nêu trên hoạt động trên 02 cầu tàu số 01 và số 02.

- * Hệ thống cần trục
- **Cần trục chân đế hiệu Kranbau**

Loại cần trục này được sản xuất năm 2003, kiểu quay, di chuyển trên đường ray P50 khổ 10,5m, tầm với từ 8 – 32m. Sức nâng lớn nhất dưới móc cầu là 40 tấn, không thay đổi theo tầm với, nguyên giá 27,5 tỷ đồng, được đưa vào sử dụng tháng 9/2004.



Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

- **Cần trục chân đế hiệu Liebherr**

Công ty hiện có 02 cần trục loại này: một chiếc được sản xuất năm 2005 và đưa vào sử dụng đầu năm 2006; một chiếc được sản xuất năm 2006 và được đưa vào sử dụng đầu năm 2007. Đây là loại cần trục có cơ cấu nâng hạ cần bằng xy lanh thủy lực, loại CBW 40/32, sức nâng 40T với tầm với từ 4m – 32 m; trị giá 15 tỷ đồng/chiếc.



Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

- * Các phương tiện, thiết bị chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/6/2007

Trong những năm gần đây Công ty luôn tiến hành đầu tư đổi mới các phương tiện, thiết bị chủ yếu. Các thiết bị của Công ty tại thời điểm hiện nay đều được nhập khẩu từ các nước phát triển trên thế giới, sản xuất theo công nghệ tiên tiến, năng lực bốc xếp, chuyên chở lớn, có thể phục vụ khách hàng một cách hiệu quả, an toàn, nhanh chóng.

Máy móc thiết bị	Số lượng	Trọng tải/ Sức nâng (Tấn)	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Khu vực Hải Phòng				
Cần trục bánh lốp	1	25	280.000.000	0
Xe nâng vô (Fantuzi, Kalmar)	3	8 ÷ 12	7.106.756.776	4.271.262.563
Xe nâng (Kalmar, Linde)	2	41	9.892.340.000	2.635.000.017
Xe nâng vô Komatsu	4	10 ÷ 15	885.559.738	475.777.766
Xe nâng Mitsubishi+Nissan	3	2,5 ÷ 5	703.100.424	438.895.596
Xe nâng TCM	6	3 ÷ 5	2.192.433.709	1.195.269.780
Xe nâng Terex	2	45	12.319.675.015	10.146.749.624
Cần trục chân đế Kranbau	1	40	27.494.702.865	16.693.212.462
Cần trục chân đế Liebherr	2	40	30.574.540.441	26.277.996.912
Xe nâng khung mang PPH	5	40	16.882.114.727	15.877.226.952
Xe nâng khung mang	2	15 ÷ 20	523.809.524	163.690.490
Đầu kéo xe container	30	26 ÷ 30	9.158.653.157	3.661.219.218
Rơ moóc 20' + 40'	31	26 ÷ 30	3.359.024.166	1.016.701.885
Khu vực Miền Trung				
Cần trục bánh lốp ADK	1	16	76.000.000	
Cần trục bánh lốp Kato	1	30	639.963.500	359.090.632
Xe nâng Kalmar	1	41	716.908.917	716.908.917
Đầu kéo International, Kamaz	14	26 ÷ 30	3.568.762.768	2.269.931.581
Rơ moóc 20',40'	17	26 ÷ 30	1.401.068.545	606.339.554
Khu vực TP Hồ Chí Minh				
Xe nâng container (Kalmar, Hyster, Komatsu)	5	5 ÷ 12	3.058.837.186	1.870.734.035
Đầu kéo moóc International	5	26 ÷ 30	1.350.092.177	723.263.694
Rơ moóc 20',40'	8	26 ÷ 30	882.994.310	473.032.666

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với chiến lược đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ theo hướng cung cấp các chuỗi dịch vụ khép kín thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng đồng thời để đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển các loại hình dịch vụ về vận tải, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các mô hình kho CFS có sức chứa lớn, hiện đại, năng suất phân loại, xếp dỡ cao, thời gian giao hàng nhanh chóng.

Năm 2007, Công ty cũng đã xúc tiến việc kết hợp với Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su – Rubimex (QĐ thành lập số 3753/QĐ-UB ngày 30/07/2004 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh) thành lập công ty cổ phần tiếp vận xanh (Green logistics) với vốn điều lệ 60 tỷ

đồng (tỷ lệ vốn góp: Viconship 33,33%, Rubimex 33,33% và các cổ đông khác 33,34%) đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics tại số 9 đường Trường Sơn, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh với chức năng: khai thác kho bãi; giao nhận, vận chuyển, phân phối, bốc xếp hàng hóa, container. Việc xây dựng Trung tâm Logistics tạo điều kiện cho Viconship mở rộng sản xuất, thương trường tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tính đến cuối tháng 06 năm 2007, Công ty cổ phần Green Logistics đã chính thức được thành lập và bước vào giai đoạn triển khai hoạt động.

Ngoài dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, năm 2007, Công ty còn triển khai một dự án đáng chú ý khác đó là dự án Xây dựng cầu xà lan 400T. Đây là một hạng mục công trình thuộc cảng Green Port. So với năm 2005, năm 2006 cảng Green Port đã đem về cho Công ty mức doanh thu tăng gần gấp đôi và mức lợi nhuận tăng hơn gấp rưỡi, vì vậy việc đầu tư xây dựng thêm hạng mục công trình thuộc cảng Green Port sẽ là hướng đi đúng đắn, giúp mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của cảng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các chủ tàu và chủ hàng; hoàn thiện thêm cơ sở hạ tầng – vật chất kỹ thuật đồng bộ, đa dạng đối với một cảng biển tổng hợp, góp phần tăng khả năng thông qua của cảng và do đó góp phần đem lại doanh thu và lợi nhuận cao hơn cho Công ty sau khi hạng mục công trình này hoàn tất và đưa vào khai thác. Dự án này đã khởi công vào tháng 07 năm 2007; dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2007.

Bên cạnh đó, vận tải biển cũng là lĩnh vực được Công ty chú trọng đầu tư. Để đẩy mạnh mảng hoạt động kinh doanh này, Công ty đang tiến hành triển khai dự án Vận tải biển Bắc – Nam: giai đoạn đầu Công ty triển khai công việc mua thêm vỏ container để thực hiện công việc vận chuyển hàng hóa phục vụ nhu cầu khách hàng; giai đoạn hai Công ty tiến tới thuê hoặc mua tàu để trực tiếp thực hiện công việc vận tải.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay tập trung vào dịch vụ đại lý container, môi giới hàng hải; xếp dỡ hàng hóa; kinh doanh kho, bến bãi; vận tải hàng hóa; khai thác cảng biển ... Đây là những hoạt động không tạo ra của cải vật chất mà là cung cấp các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Giá trị mà các dịch vụ của Công ty đem lại có thể nhận biết dưới dạng:

- ♦ Số lượng Container, số tấn hàng hoá được bốc xếp cho tàu biển, tại kho, bãi Container;
- ♦ Số lượng Container, số tấn km hàng hoá được vận chuyển;
- ♦ Số lượng Container hoặc số tấn hàng làm đại lý giao nhận;

- ♦ Số Container/ngày, hoặc số tấn/ngày được lưu kho và bảo quản;
- ♦ Số lượt tàu biển được làm thủ tục ra vào cảng ...

Để quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đã xác lập, quản lý thông qua 59 quy trình ban hành theo sổ tay QMS SQT-02, được khảo sát xây dựng, cải tiến thường xuyên, liên tục theo tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000. Chính vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh chính đều được kiểm soát, quản lý rất chặt chẽ và luôn được xem xét để cải tiến những điểm chưa phù hợp đến hoàn hảo. Tất cả các quy trình đều nhằm mục tiêu thoả mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, trên cơ sở:

- Giá cả hợp lý;
- Giao hàng kịp thời đúng hạn;
- Dịch vụ khép kín hoàn hảo.

Ngoài việc xác lập, quản lý hoạt động theo các quy trình tiêu chuẩn ISO 9001-2000, công ty còn thành lập phòng ISO - IT để đảm nhận vấn đề kiểm tra chất lượng dịch vụ cung cấp, tiến hành đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, nhằm tạo ra:

- Mối liên hệ trao đổi trực tiếp, thường xuyên với các khách hàng để đáp ứng yêu cầu của họ;
- Cập nhật, trao đổi, báo cáo, kết xuất các thông tin kịp thời, chính xác;
- Quản lý, lưu giữ, đánh giá chính xác các hoạt động nhanh chóng, giảm bớt thời gian và giấy tờ.

Hiện tại trong toàn Công ty đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin. Về mạng vật lý, mạng LAN đã được thiết lập. Trong mỗi khu vực sử dụng đường truyền ADSL tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Công ty cũng đã đầu tư hệ thống phần mềm hiện đại (TMS, CMS, BRAVO ...), được thiết kế theo đặc thù riêng và theo yêu cầu của từng bộ phận. Tiện ích của các phần mềm này đã và đang được triển khai một cách triệt để và tiếp tục được xem xét và mở rộng thêm các tiện ích khác. Bên cạnh đó, Công ty đang tiến hành triển khai dự án E-Viconship để tạo cho việc quản lý các hoạt động của Công ty trở lên dễ dàng, chính xác, trung thực và tiên tiến.

6.8. Hoạt động Marketing

Cùng với việc đầu tư mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu

quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng, xây dựng củng cố. Công ty luôn thực hiện và duy trì chính sách chất lượng: Đảm bảo thoả mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, thu hút các khách hàng mới, mở rộng thị phần của các khách hàng tiềm năng bằng uy tín, chất lượng dịch vụ và thoả mãn tối đa các nhu cầu. Các cam kết cụ thể được đưa ra là:

- Giá thành dịch vụ hợp lý;
- Nhanh chóng, kịp thời, cung cấp các chuỗi dịch vụ đầy đủ, khép kín và hoàn hảo.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng Lôgô của Công ty:



Thương hiệu Công ty đã được đăng ký và bảo hộ tại cục sở hữu trí tuệ năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 68012.

6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (triệu VND)
1	Công ty LD MSC Việt Nam	Hợp đồng đại lý	Theo thực tế phát sinh
2	Hãng tàu T.S Lines Hong kong	Hợp đồng đại lý	Theo thực tế phát sinh
3	Hãng tàu Megastar	Hợp đồng đại lý	Theo thực tế phát sinh
4	Hãng tàu APL	Hợp đồng bốc xếp, khai thác tại cầu cảng	17.592
5	Hãng tàu Cosco	Hợp đồng bốc xếp, khai thác tại cầu cảng	12.686
6	Hãng tàu Meastar	Hợp đồng bốc xếp, khai thác tại cầu cảng	8.245
7	Hãng tàu SYMS	Hợp đồng bốc xếp, khai thác tại cầu cảng	8.322
8	Hãng tàu ZIM	Hợp đồng bốc xếp, khai thác tại cầu cảng	8.180
9	Hãng tàu Bisco	Hợp đồng bốc xếp, khai thác tại cầu cảng	10.102
10	Công ty TNHH Maersk Việt Nam	Hợp đồng vận chuyển bộ xuất nhập tàu	1.800
11	Công ty Bia Huế	Hợp đồng dịch vụ giao nhận, vận tải nội bộ	7.000

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Các hợp đồng giữa Công ty và khách hàng thường được tái thực hiện hàng năm. Ngoài ra, căn cứ nhu cầu thực tế, các khách hàng của Công ty có thể ký hợp đồng nguyên tắc, giá trị thực hiện sẽ được tính toán cụ thể trong từng năm.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty trong 2 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2005 (đồng)	Năm 2006 (đồng)	% tăng (giảm)	Năm 2007 (hết quý III) (đồng)
Tổng giá trị tài sản	210.248.601.450	280.412.423.264	33,37	399.951.513.662
Doanh thu thuần	130.580.009.316	164.949.708.081	26,32	168.540.538.967
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	34.008.785.203	49.007.891.732	44,10	48.070.663.532
Lợi nhuận khác	611.271.527	358.610.187	-41,33	1.351.542.936
Lợi nhuận trước thuế	34.620.056.730	49.366.501.919	42,60	49.422.206.468
Lợi nhuận sau thuế	31.636.155.478	45.122.884.956	42,63	43.593.571.007
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	32,43	28,27		-

Nguồn: BCBT đã kiểm toán năm 2005, 2006; BCTC quý III năm 2007 của CTCP Container Việt Nam

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Hoạt động kinh doanh của Viconship luôn ổn định và phát triển, trong bối cảnh có rất nhiều doanh nghiệp tư nhân ra đời và tham gia hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, sức ép cạnh tranh từ thị trường ngày càng tăng. Sự biến động thường xuyên giá xăng dầu trên thế giới, cũng là nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty. Nhưng với quyết tâm cao độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên, sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị, những quyết định kinh doanh táo bạo, đúng thời điểm của Ban Tổng giám đốc, đã giúp Công ty vượt qua những thách thức, hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra.

Tổng tài sản năm 2006 tăng hơn 33,42% so với năm 2005, doanh thu thuần tăng 26,32 %, lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 44,1%, tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông được duy trì ở mức khá cao từ 18 đến trên 22%/năm. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm vừa qua có những yếu tố ảnh hưởng chủ yếu sau:

- ♦ Tiếp nối thành công của việc quyết định đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành cảng Green Port năm 2004 – 2005, năm 2006 Công ty đã xây dựng và đưa vào hoạt động cầu cảng số 2; đồng thời tiến hành cải tạo nâng cấp đồng bộ các hạng mục công trình đi kèm và mua sắm trang thiết bị đồng bộ phục vụ cho hoạt động của cảng, điển hình phải kể đến là việc hoàn thành lắp đặt đưa vào khai thác cần trục số 2 hiệu Liebherr có sức nâng 40 tấn, tầm với 32m, khẩu độ ray 10,5m. Đây chính là điểm đột phá đóng góp rất lớn vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2006. Đầu năm 2007 Công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng thêm 01 cần trục

- Liebherr và 05 xe nâng khung mang (Straddle Carrier) nhằm nâng cao năng lực bốc xếp cho Cảng, chắc chắn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Công ty trong năm 2007 và những năm tiếp theo.
- ◆ Chi phí hoạt động thấp, và tiếp tục có xu hướng giảm cũng là nhân tố lớn tạo lên kết quả kinh doanh cao trong năm qua.
 - ◆ Công tác nghiên cứu và ứng dụng những biện pháp quản trị tiên tiến cùng với việc thường xuyên đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động đã phát huy hiệu quả tích cực cho hoạt động kinh doanh.
 - ◆ Công ty được các đối tác đánh giá cao về kinh nghiệm và công nghệ quản lý dịch vụ vận tải đa phương thức. Đây là lợi thế xuất phát từ việc Công ty sớm tham gia vào thị trường dịch vụ vận tải đa phương thức, khi thị trường mới bắt đầu phát triển.
 - ◆ Sự chỉ đạo sáng suốt và kịp thời, phương án kinh doanh hợp lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã góp phần củng cố khối đoàn kết các đơn vị trong toàn Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cá nhân trong công việc.
 - ◆ Kinh tế đất nước vẫn tiếp tục đà tăng trưởng cao, hàng hoá xuất nhập khẩu, quá cảnh với lưu lượng lớn, theo thống kê của Công ty lượng hàng hoá xuất nhập khẩu qua khu vực Hải phòng tăng bình quân 16 đến 18%/năm.

Bên cạnh những thuận lợi, còn có những khó khăn về giá nguyên vật liệu, sức ép cạnh tranh như đã nêu. Ngoài ra đặc thù hoạt động ngành, tính mất cân đối theo mùa vụ của hàng hoá cũng gây những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Là đơn vị đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá bằng Container, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần trong nước và khu vực, mở thêm nhiều ngành nghề mới. So với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, Công ty là một trong những doanh nghiệp đứng trong tốp dẫn đầu về thị phần, uy tín, hiệu quả hoạt động và tính năng động, nhạy bén trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

Viconship thể hiện khả năng vượt trội trong kiểm soát, quản lý chi phí hoạt động, khả năng sinh lời trên vốn cổ đông luôn ở mức cao nhất. Với chi phí thấp, giá thành dịch vụ của doanh nghiệp luôn mang tính cạnh tranh, nhưng vẫn đảm bảo thoả mãn mọi nhu cầu của khách hàng. Việc chuyển hướng kinh doanh kịp thời, đầu tư, xây dựng, đưa vào kinh doanh

cảng Greenport (năm 2004 – 2005) và tiếp tục xây dựng, đưa vào khai thác cầu tàu số 2 thuộc cảng Green Port (năm 2006) đã giúp cho doanh nghiệp luôn giữ vững được tốc độ tăng trưởng cao.

Cảng Viconship là cảng chuyên dụng về hàng container, sau khi được đầu tư bến bãi, cầu cảng, thiết bị xếp dỡ, sản lượng hàng hoá thông qua Cảng đã tăng lên rõ rệt. Năm 2004, có trên 87.000 tấn hàng hoá thông qua Cảng Green Port, đến hết năm 2005, lượng hàng hoá thông qua đã là 650.000 tấn, và đến hết năm 2006 sản lượng hàng hoá thông qua Cảng đạt 1.400.000 tấn.

Thị phần một số dịch vụ chủ yếu của của Công ty so với khu vực cảng Hải Phòng như sau²:

- Sản lượng Container thông qua khu vực kho, bãi, cảng của Viconship so với toàn khu vực Hải phòng chiếm khoảng 26%;
- Số lượng các khách hàng sử dụng dịch vụ của Viconship trên địa bàn Hải Phòng chiếm trên 70%;
- Hàng hoá qua kho CFS chiếm 65% thị phần so với toàn khu vực phía Bắc.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một quốc gia nằm ở vị trí địa lý thuận lợi để phát triển ngành kinh tế biển. Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao, tốc độ tăng trưởng GDP trong 2 năm gần đây đều đạt trên 8% và riêng 3 tháng đầu năm 2007 đã đạt 7,70%³, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá đang tiếp tục tăng mạnh. Dự báo tốc độ tăng trưởng sản lượng hàng hoá vận chuyển của ngành hàng hải bình quân năm khoảng 12% - 15%.

Trong giai đoạn này, bên cạnh sự cố gắng, phát huy nội lực của ngành và được Chính phủ hỗ trợ tích cực thông qua các cơ chế, chính sách cụ thể, ngành hàng hải Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc. Một kế hoạch tổng thể đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 để phát triển hạ tầng cảng biển, công nghiệp tàu thủy và đội tàu quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế biển của cả nước. Trong kế hoạch triển khai chi tiết, song song với việc quy hoạch đội tàu, công nghệ xếp dỡ cũng được chú trọng định hướng phát triển. Cụ thể, Chính Phủ chủ trương hình thành các đầu mối vận tải với các cảng trung tâm và hệ thống các cảng vệ tinh đủ điều kiện để áp dụng công nghệ xếp dỡ tiên tiến ...; lựa chọn công nghệ xếp dỡ tiên tiến, phù hợp với từng mặt hàng; công nghệ xếp dỡ đảm bảo

² Nguồn: CTCP Container Việt Nam

³ Nguồn: Tổng cục Thống kê

kết nối các phương thức vận tải ...; hình thành các cảng cạn trong nội địa (ICD) để liên kết với cảng biển, tạo thành một hệ thống đồng bộ, liên hoàn nhằm nâng cao năng lực thông qua cảng, rút ngắn thời gian tồn đọng hàng hóa và phương tiện vận tải, giảm ùn tắc giao thông ...

Thực tế, theo thống kê của Hiệp hội cảng biển Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, lượng hàng hóa thông qua các cảng thuộc hiệp hội cảng biển trong các năm gần đây như sau⁴:

Đơn vị: tấn

Loại hàng (Xuất+Nhập+Nội địa)	Năm		
	2007 (đến hết tháng 06)	2006	2005
Hàng lỏng	31,472,719	116,968,329	23,734,158
Hàng khô	26,197,098	55,312,562	42,412,942
Hàng container	6,672,276	12,958,081	8,070,336
Hàng quá cảnh	3,678,526	4,547,351	8,783,790
Tổng	68,020,619	189,786,323	83,001,226

Nguồn: Cục hàng hải Việt Nam

Theo thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, tính đến hết tháng 06 năm 2007, tổng lượt tàu qua cảng của Việt Nam đã đạt con số 23.001 gần bằng 113% cùng kỳ năm 2006.

Riêng đối với khu vực Hải Phòng, dự báo đến năm 2010, khối lượng hàng hóa thông qua cảng có thể đạt 17,3 đến 21,8 triệu tấn/năm.

Tiềm năng phát triển to lớn của nền kinh tế đất nước, của ngành hàng hải và của khu vực cảng Hải Phòng sẽ tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các công ty trong ngành nói chung và Công ty Cổ phần Container Việt Nam nói riêng.

8.3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Trong điều kiện triển vọng phát triển nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành hàng hải nói riêng hết sức khả quan như hiện nay, triển vọng phát triển của các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ hàng hải nói chung và của Công ty nói riêng là hết sức lạc quan.

Mặt khác, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với tiến trình mở cửa nền kinh tế sau khi ra nhập WTO của Việt Nam, nhận thức rõ được thị phần của dịch vụ Đại lý container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải sẽ có xu hướng ngày càng thu hẹp trong khi tiềm năng phát

⁴ Nguồn: Thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam

triển thị phần của dịch vụ khai thác cảng biển có xu hướng gia tăng, Công ty đã tập trung đẩy mạnh và tăng cường năng lực kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng biển, đây là bước đi hết sức đúng đắn và phù hợp với xu thế thị trường.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm 31/5/2007, tổng số lao động trong Công ty là 603 người. Trong đó có 132 lao động nữ và 471 lao động nam.

LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
Phân theo giới tính		
Nam	471	78,11
Nữ	132	21,89
Phân theo trình độ học vấn:		
Cao học	1	0,16
Đại học	322	53,40
Cao đẳng	12	2,00
Trung cấp	15	2,48
Công nhân kỹ thuật	224	37,15
Lao động phổ thông	29	4,81
Tổng số lao động	603	100

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

9.2.1. Chế độ làm việc:

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

9.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

Đối với lao động trực tiếp: Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm tham dự các khoá đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển; thường xuyên cử các nhóm lao động đi tham quan học hỏi kinh nghiệm kinh doanh trong và ngoài nước, nhằm hoàn thiện hơn kỹ năng và trình độ của người lao động.

Đối với lao động gián tiếp: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

9.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hằng năm, Công ty tổ chức cho Cán bộ Công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong một số năm gần đây như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức/VĐL
2003	45 % (trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu 30%)
2004	15%
2005	18%
2006	22% (trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu 5%)

Nguồn: Viconship

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03-23
Phương tiện vận tải	04-12
Thiết bị văn phòng	03-07
Tài sản cố định vô hình	03-06

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2006 của Công ty cổ phần Container Việt Nam

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của nhân viên trong Công ty trong năm 2006 là 3.200.000 đồng/người/tháng, cao hơn mức lương bình quân năm 2005: 150.000 đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005 và 2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Pháp luật hiện hành. Việc trích lập quỹ Dự phòng Tài chính là 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Số dư các quỹ như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007 (hết quý III)
Quỹ dự phòng tài chính	2.613.176.575	4.115.997.228	6.316.213.007
Quỹ đầu tư phát triển	13.477.300.631	31.839.099.683	31.839.099.683
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	882.158.855	1.377.093.128	3.881.833.515

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2005, 2006; BCTC quý III năm 2007 của CTCP Container Việt Nam

Tổng dư nợ vay

Tính đến thời điểm 31/12/2006, tổng dư nợ vay của Công ty là 37.280.242.300 đồng. Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng vay số 01061003/ACB - VCS ngày 06 tháng 10 năm 2003 và số 01220805/ACB - VCS ngày 24 tháng 08 năm 2005. Cụ thể:

Hợp đồng vay số 01061003/ACB-VCS: Vay 1.462.500 USD đầu tư mua mới cần trục chân đế kiểu quay hiệu Kranbau trong thời gian 05 năm với thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay của 12 tháng đầu tiên là 3%/năm, các tháng tiếp theo được thay đổi 06 tháng 01 lần và được tính trên lãi suất Sibor 6 tháng + 2%/năm. Tiền vay được trả theo từng kỳ, mỗi kỳ 03 tháng.

Hợp đồng vay số 01220805/ACB-VCS: Vay 764.814,14 USD – đã giải ngân hết (trong đó đến hạn trả 191.200 USD # 3.078.511.200 VND). Đầu tư mua mới cần trục số 2 hiệu Liebherr trong thời gian 05 năm với thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay của 12 tháng đầu tiên áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng, các tháng tiếp theo được thay đổi 06 tháng 01 lần và được tính trên lãi suất Sibor 06 tháng + 1,4%/năm. Tiền vay được trả theo từng kỳ, mỗi kỳ 03 tháng.

Hợp đồng vay số HAP.DN.01230806/TH: Vay 820.248,15 USD (tính đến 31/12/2006 đã giải ngân 636.628,86 USD) để đầu tư mua mới cần trục số 3 hiệu Liebherr trong thời gian 05 năm với thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay của 12 tháng đầu tiên áp dụng theo lãi suất thông báo tại ngân hàng, các tháng tiếp theo được thay đổi 06 tháng 1 lần và được tính trên lãi suất Sibor 06 tháng + 1,4%. Tiền vay được trả theo từng kỳ, mỗi kỳ 03 tháng.

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

Tình hình công nợ hiện nay

* Tổng số nợ phải thu

CHỈ TIÊU	31/12/2005	31/12/2006	% TĂNG GIẢM	Hết quý III/2007
Phải thu của khách hàng	31.817.145.657	44.913.370.378	41,16	66.628.361.142
Trả trước cho người bán	20.629.506.307	16.874.156.019	-18,20	2.155.523.333
Phải thu nội bộ	0	0	0	0
Phải thu khác	16.221.228.301	33.108.384.811	104,11	50.903.630.004
Tổng	68.667.880.265	94.895.911.208		119.687.514.479

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2005, 2006; BCTC quý III năm 2007 của CTCP Container Việt Nam

Các khoản phải thu của Công ty chủ yếu là tiền cước phí vận tải của khách hàng, các khoản phải thu luôn duy trì ở mức 52 – 57% tài sản lưu động, với đặc thù ngành của Công ty, đây là tỷ lệ hợp lý.

* Tổng số nợ phải trả

STT	Khoản mục	Năm 2005 (đồng)	Năm 2006 (đồng)	Năm 2007 (hết quý III) (đồng)
I	Nợ ngắn hạn	76.629.534.499	104.456.434.658	127.459.821.109
1	Vay và nợ ngắn hạn	5.802.803.200	8.965.036.800	-
2	Phải trả người bán	22.642.615.045	35.853.677.981	26.517.426.868
3	Người mua trả tiền trước	1.199.309.876	1.307.900.789	558.161.716
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.799.252.820	3.579.216.123	3.784.227.888
5	Phải trả công nhân viên	4.984.429.953	4.683.856.857	6.892.562.578
6	Chi phí phải trả	1.031.064.195	586.919.163	2.204.377.749
7	Phải trả nội bộ	-	-	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.170.059.410	49.479.826.945	87.503.064.310
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
II	Nợ dài hạn	20.946.354.586	29.357.941.935	43.689.065.249
1	Phải trả dài hạn khác	-	593.335.563	719.336.830
2	Vay và nợ dài hạn	20.946.354.586	28.315.205.500	42.457.161.719
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	449.400.872	512.566.700

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2005, 2006; BCTC quý III năm 2007 của CTCP Container Việt Nam

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007 (quý III)
1	Khả năng thanh toán				
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.60	1.61	2.03
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1.58	1.60	2.02
2	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn				
2.1	Cơ cấu tài sản				
	+ Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	58.20	60.10	64.73
	+ Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	41.80	39.90	35.27
2.2	Cơ cấu nguồn vốn				
	+ Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	46.41	47.72	42.79
	+ Nguồn vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	%	53.59	52.28	57.21
2.3	Hệ số nợ / tổng tài sản	%	46.41	47.72	42.79
	Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu	%	86.60	91.28	74.80
3	Tỷ suất sinh lời				
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
	+ Tỷ suất lợi nhuận gộp / doanh thu thuần	%	32.19	35.89	33.16
	+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / doanh thu thuần	%	26.51	29.93	29.32
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	%	24.23	27.36	25.87
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
	+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / tổng tài sản	%	16.47	17.60	12.36
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản	%	15.05	16.10	10.90
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu	%	28.08	30.78	19.05
4	Tốc độ luân chuyển vốn				
	Doanh thu thuần / tài sản ngắn hạn bình quân	lần	1.07	0.98	0.79

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2005, 2006; BCTC quý III năm 2007 của CTCP Container Việt Nam

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Việt Hòa – Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 12/08/1956
 Nơi sinh : Ninh Bình
 Số CMND : 030204135
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
 Địa chỉ thường trú : 11 Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : (031) 3 836 705
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xếp dỡ
 Quá trình công tác :
 ✓ 1978 – 1983 : Cán bộ giảng dạy trường Đại học Giao thông Thủy Hải Phòng
 ✓ 1983 – 1984 : Cán bộ điều độ Công ty Container Việt Nam
 ✓ 1984 – 1985 : Phó phòng khai thác Đại lý đường biển I
 ✓ 1985 – 1993 : Trưởng phòng điều độ, Đội trưởng đội xe, Xưởng trưởng
 Trưởng đại diện Công ty Container Việt Nam tại Hà Nội
 ✓ 1993 – 1997 : Phó giám đốc Công ty Container Việt Nam
 ✓ 1997 – 2001 : Giám đốc Công ty Container Việt Nam
 ✓ 2002 – 2005 : Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Container VN
 Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần
 Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.232.133 cổ phần (tương ứng với 14,89% Vốn điều lệ).

- *Sở hữu cá nhân: 139.056 cổ phần (tương ứng với 1,73% Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước: 1.057.461 cổ phần (tương ứng với 13,16% Vốn điều lệ).*

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Vợ : Dương Minh Hào

Số hộ chiếu : PT A0214542A

Số cổ phần nắm giữ: 20.900 cổ phần (tương ứng với 0,26% Vốn điều lệ).

- Con : Nguyễn Hoàng An

Số hộ chiếu : PT A0231092A

Số cổ phần nắm giữ : 18.018 (tương ứng với 0,22% Vốn điều lệ)

- Con : Nguyễn Hoàng Linh

Số hộ chiếu : PT A0232162A

Số cổ phần nắm giữ : 15.134 (tương ứng với 0,19% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

2. Ông Hoàng Trọng Giang – Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 02/10/1957

Nơi sinh : Thái Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Số CMND : 024210058

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú : 123 đường Huỳnh Tấn Phát khu phố 4, P. Tân Thuộc Đông,
Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan : (08) 8 248 226

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ máy hàn

Quá trình công tác :

✓ 12/1980 – 3/1983 : Chiến sỹ Xưởng 55 Bộ Tư lệnh Vùng V Hải quân

✓ 03/1984 – 07/1990 : Cán bộ kỹ thuật, phụ trách Xưởng sửa chữa Công ty Container Việt Nam

✓ 8/1990 – 8/1996 : Đại lý viên, Trưởng phòng đại lý Blasco Công ty container VN

✓ 9/1996 – 06/2002 : Giám đốc Xí nghiệp Vận chuyển Container Infacon

✓ 07/2002 – 03/2003 : Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Container Phía Bắc

✓ 04/2003 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam
kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 50.815 cổ phần (tương ứng với 0,63% Vốn điều lệ)

- Sở hữu cá nhân: 50.815 cổ phần (tương ứng với 0,63% Vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

3. Ông Nguyễn Văn Tiến – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 19/11/1969

Nơi sinh : Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số CMND : 030969378

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú : 20/8B Cù Chính Lan, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan : (031) 3 741 166

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế

Quá trình công tác :

✓ 1992 - 1993 : Nhân viên Phòng Tiền lương, Xưởng cơ khí sửa chữa Cảng HP

✓ 1993 - 1994 : Chỉ đạo Xí nghiệp Cảng Chùa Vẽ (cảng HP)

✓ 1994 – 1996 : Trưởng phòng phục vụ khách hàng XN cảng Chùa Vẽ

✓ 1996 – 1998 : Chuyên viên Phòng Thương vụ cảng Hải Phòng

✓ 1998 – 1999 : Trưởng phòng Phòng Thị trường Steamer, Vietfracht

✓ 1999 – 2004 : Trưởng phòng Phòng Thương vụ khai thác Cảng Transvina

✓ 6/2004 đến nay : Giám đốc Xí nghiệp cảng Viconship (Green Port), Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp Cảng Viconship (Green Port).

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 9.711 cổ phần (tương ứng với 0,12% Vốn điều lệ)

- *Sở hữu cá nhân: 9.711 cổ phần (tương ứng với 0,12% Vốn điều lệ)*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.*

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

4. Ông Lương Hoài Trân – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 28/05/1955
 Nơi sinh : Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng
 Số CMND : 030197897
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 9B Đoàn Xá, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : (031) 3 552 157
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế, thạc sĩ quản trị kinh doanh.
 Quá trình công tác :
 ✓ 08/1973 – 8/1976 : Hạ sỹ quan chiến trường QK 5 Đoàn 559/BTL Trường Sơn,
 Chiến trường QK5
 ✓ 09/1976 – 10/1981 : Sinh viên trường Đại học Giao thông Thủy
 ✓ 11/1981 – 09/1986 : Cán bộ Giảng dạy Khoa Kinh tế, Đại học Hàng Hải
 ✓ 10/1986 – 09/1993 : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty Container Việt
 Nam
 ✓ 09/1993 - 02/2002 : Phó Giám đốc Công ty Container Việt Nam
 ✓ 02/2002 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
 Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ
 phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 46.566 cổ phần (tương ứng với 0,58% Vốn điều lệ)

- *Sở hữu cá nhân: 46.566 cổ phần (tương ứng với 0,58% Vốn điều lệ)*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.*

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Vợ : Đỗ Thị Thu
Số CMND : 030576910
Số cổ phần sở hữu : 16.599 cổ phần (tương ứng với 0,21% Vốn điều lệ)
- Con : Lương Thị Phương Thảo
Số CMND : 031329476
Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần (tương ứng với 0,06% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

5. Ông Nguyễn Việt Lãng – Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 09/08/1947
 Nơi sinh : Kinh Lương, Cấp Tiến, Tiến Lãng, Hải Phòng
 Số CMND : 030050902
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Kinh Lương, Cấp Tiến, Tiến Lãng, Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : 1/89 Lê Lợi, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : (031) 3 765 416
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác :
 ✓ 1969 – 1973 : Bí thư Đoàn Ty Bảo đảm Hàng Hải
 ✓ 1973 – 1979 : Bí thư Đoàn trường Đại học Hàng Hải (chuyên trách)
 ✓ 7/1979 – 3/1984 : Chuyên viên Phòng Vận tải, chuyên viên Trung tâm khai thác
 Tổng cục đường biển
 ✓ 4/1984 – 12/1994 : Phó giám đốc xí nghiệp container phía Bắc
 Trưởng phòng Khai thác Công ty Container Việt Nam;
 Phó tổng giám đốc Công ty Container Việt Nam
 ✓ 01/1995 – 3/2001 : Phó tổng giám đốc, Tổng giám đốc Công ty liên doanh vận tải
 quốc tế Việt - Nhật
 ✓ 4/2001 – 3/2002 : Phó tổng giám đốc Công ty Container Việt Nam
 ✓ 4/2002 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 40.100 cổ phần (tương ứng với 0,5% Vốn điều lệ)

- Sở hữu cá nhân: 40.100 cổ phần (tương ứng với 0,5% Vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Vợ : Phạm Thị Huệ

Số CMND : 030092041

Số cổ phần sở hữu : 1.045 cổ phần (tương ứng với 0,01% Vốn điều lệ)

- Con : Nguyễn Việt Hạnh

Số CMND : 031001727

Số cổ phần sở hữu : 1.801 cổ phần (tương ứng với 0,02% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

6. Ông Trần Xuân Bao – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 25/10/1963

Nơi sinh : Hải Phòng

Số CMND : 030556364

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hải Phòng

Địa chỉ thường trú : 15 An Đà, Lạch Tray, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan : (031) 3 836 705

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác :

✓ 01/1986 – 10/1992 : Nhân viên phòng Nghiệp vụ Công ty Container Việt Nam

✓ 10/1992 – 3/2002 : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng, Kế toán trưởng Công ty Container Phía Bắc

✓ 04/2002 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 18.000 cổ phần (tương ứng với 0,22% Vốn điều lệ)

- *Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần (tương ứng với 0,22% Vốn điều lệ)*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.*

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

7. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 18/10/1969

Nơi sinh : Hải Phòng

Số CMND : 012086582

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Số 5 tổ 24 Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (04) 8 468 688

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hàng hải, cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

✓ 07/1992 -1994 : Nhân viên Marketing Văn phòng Đại diện Công ty Container Việt Nam tại Hà Nội;

✓ 1994 – 1997 : Phó trưởng đại diện Văn phòng Đại diện Công ty Container Việt Nam;

✓ 1998 – 2002 : Trưởng đại diện Văn phòng Đại diện Công ty Container Việt Nam;

✓ 2002 đến nay : Trưởng đại diện Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam, Trưởng đại diện Văn phòng đại diện của Công ty tại Hà Nội.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 62.947 cổ phần (tương ứng với 0,78% Vốn điều lệ)

- *Sở hữu cá nhân: 62.947 cổ phần (tương ứng với 0,78% Vốn điều lệ)*

- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Vợ : Nguyễn Thị Hương Linh

Số CMND : 012651775

Số cổ phần nắm giữ : 10.440 cổ phần (tương ứng với 0,13% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

8. Ông Lương Quốc Trọng – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 07/11/1955

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 030837804

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Vân Từ, Huyện Phú Trọng, Tỉnh Hà Tây

Địa chỉ thường trú : A7 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan : (031) 3 836 323

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác :

✓ 1972 -1982 : Sỹ quan quân đội

✓ 1983 – 1985 : Nhân viên Xí nghiệp Container Phía Bắc

✓ 1986 – 1995 : Nhân viên Công ty Container Phía Bắc

✓ 1996 – 1998 : Trưởng phòng Infacon

✓ 1998 – 2001 : Phó Giám đốc Infacon

✓ 2001 đến nay : Giám đốc Infacon.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam,
Giám đốc Infacon.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 39.043 cổ phần (tương ứng với 0,49% Vốn điều lệ)

- Sở hữu cá nhân: 39.043 cổ phần (tương ứng với 0,49% Vốn điều lệ)

- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

9. Bà Hoàng Thi Hà – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 11/12/1962
 Nơi sinh : Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị
 Số CMND : 200042066
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Hương Điền, Thừa Thiên Huế
 Địa chỉ thường trú : Tổ 78, phường An Khê, quận Thanh Khê, tp. Đà Nẵng
 Điện thoại cơ quan : (0511) 822 922
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 ✓ 1982 - 1985 : Nhân viên Phòng Kế hoạch Trạm container Đà Nẵng,
 Công ty Container phía Bắc
 ✓ 1986 - 1989 : Nhân viên Phòng Kế hoạch Chi nhánh container Đà Nẵng,
 Công ty Container phía Bắc
 ✓ 1990 – 1992 : Phó phòng Phòng Kế hoạch Chi nhánh container Đà Nẵng,
 Công ty Container Việt Nam
 ✓ 1993 – 1995 : Trưởng phòng Chi nhánh Container Đà Nẵng
 ✓ 1995 – 1997 : Phó Giám đốc Chi nhánh Container Đà Nẵng
 ✓ 1997 – 1999 : Giám đốc Chi nhánh Container Đà Nẵng
 ✓ 2000 – 2002 : Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Container
 Miền Trung
 ✓ 07/2002 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Container Miền Trung.
 Chức vụ hiện tại : Ủy viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam
 Giám đốc Công ty TNHH Container Miền Trung, .
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
 Số lượng cổ phần nắm giữ: 28.941 cổ phần (tương ứng với 0,36% Vốn điều lệ)
 • Sở hữu cá nhân: 28.941 cổ phần (tương ứng với 0,36% Vốn điều lệ)

- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Con : Trần Hoàng Diễm Phương

Số CMND : 201471529

Cổ phần nắm giữ : 5.988 cổ phần (tương ứng với 0,07% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

12.2. Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Việt Hoà - Tổng Giám đốc
2. Ông Lương Hoài Trân - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Việt Lãng - Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Hoàng Trọng Giang - Phó Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục HĐQT.

12.3. Ban Kiểm soát

1. Bà Bùi Thị Bích Loan – Trưởng BKS

Ngày sinh : 11/03/1963

Nơi sinh : Hải Phòng

Số CMND : 012425852

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hải Phòng.

Địa chỉ thường trú : Phòng 703 Chung cư 27 Lạc Trung, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (04) 5 770 840

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác :

✓ 1985 – 1997 : Phó phòng Tài vụ Công ty Vận tải Biển Việt Nam

✓ 1997 đến nay : Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

✓ Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 401.866 cổ phần (tương ứng với 5% Vốn điều lệ)

- *Sở hữu cá nhân* : 0 cổ phần.
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước* : 401.866 cổ phần.

(tương ứng với 5% Vốn điều lệ)

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: không.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

2. Ông Lâm Văn Tam – Ủy viên BKS

Ngày sinh : 15/10/1957
 Nơi sinh : Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
 Số CMND : 030003118
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : 19 Chợ Con, Lê Chân, Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : (031) 3 836 705
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngoại thương, cử nhân luật
 Quá trình công tác :
 ✓ 07/1975 – 07/1979 : Hạ sỹ quan Phòng Hộ khẩu Công an thành phố Hải Phòng
 ✓ 05/1979 – 07/1984 : Sinh viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân
 ✓ 08/1984 - 08/1993 : Đội trưởng - Trưởng Công an Phường, Công an quận
 Ngô Quyền – Hải Phòng
 ✓ 09/1993 - 07/1998 : Phó phòng Hành chính Tổng hợp Cảng Hải Phòng
 ✓ 08/1998 đến nay : Trưởng phòng TCTL Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
 Chức vụ hiện tại : Ủy viên Ban Kiểm soát, trưởng phòng TCTL Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 9.750 cổ phần (tương ứng với 0.12% Vốn điều lệ)

- *Sở hữu cá nhân*: 9.750 cổ phần (tương ứng với 0.12% Vốn điều lệ)
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước* : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Vợ : Nguyễn Thị Nguyệt.
Số CMND : 030127088
Số cổ phần nắm giữ : 10.670 cổ phần (tương ứng với 0.13% Vốn điều lệ)
- Con : Lâm Thái Hưng
Số CMND : 031165505
Số cổ phần nắm giữ : 11.693 cổ phần (tương ứng với 0.15% Vốn điều lệ)
- Con : Lâm Thị Thu Trang
Số CMND : 031389786
Số cổ phần nắm giữ : 11.000 cổ phần (tương ứng với 0.14% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

3. Bà Nguyễn Thị Kim Nhã – Ủy viên BKS

- Ngày sinh : 09/04/1964
 Nơi sinh : Hải Phòng
 Số CMND : 030642273
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Lộ Bao, Tiên Sơn, Hà Bắc.
 Địa chỉ thường trú : 1/121 Lương Khánh Thiện, Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : (031) 3 836 705
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải Sông
 Quá trình công tác :
- ✓ 12/1988 – 04/1990 : Nhân viên đội BXTC Công ty Container Việt Nam
 - ✓ 04/1990 – 11/1993 : Nhân viên phòng Tổ chức Tiền lương Công ty Container Việt Nam
 - ✓ 10/1993 – 10/1994 : Nhân viên Phòng Nhân sự Công ty Container Việt Nam
 - ✓ 10/1994 – 03/1998 : Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Container Phía Bắc
 - ✓ 03/1998 – 10/1998 : Phó phòng Tổ chức Tiền lương Công ty Container Phía Bắc
 - ✓ 10/1998 đến nay : Kế toán trưởng Infacon.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần container Việt Nam,
Kế toán trưởng Infacon.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 13.701 cổ phần (tương ứng với 0.17% Vốn điều lệ)

- Sở hữu cá nhân: 13.701 cổ phần (tương ứng với 0.17% Vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ:

- Chồng : Nguyễn Đức Thành.

Số CMND : 030036612

Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần (tương ứng với 0.12% Vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

12.4. Kế toán trưởng

Ông Trần Xuân Bạo: Đã trình bày ở mục HĐQT.

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005, 2006 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Năm 2005			Năm 2006		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% còn lại
Tài sản cố định hữu hình							
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	42.544	30.280	71	63.366	45.357	71.58
2	Máy móc thiết bị	32.054	25.156	78	32.170	24.942	77.53
3	Phương tiện vận tải, xếp dỡ	44.997	19.710	44	70.183	34.313	48.89
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.552	376	24	1.745	304	17.42
Tổng cộng		121.147	75.522	62	167.463	104.915	62.64

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Danh sách Bất động sản của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích mặt bằng (m ²)	Hiện trạng
1	Số 75 Quang Trung - Đà Nẵng	310	Trụ sở làm việc Diện tích sử dụng : 467 m ²
2	Số 83 Hai Bà Trưng - Quy Nhơn	113,5	Văn phòng làm việc Diện tích sử dụng : 227 m ²
3	Số 1 Ngô Quyền - Hải Phòng	178,8	Văn phòng làm việc Diện tích sử dụng : 236,4 m ²
4	Số 47 Cửa Đông - Hà Nội	102,3	Văn phòng làm việc Diện tích sử dụng : 306,9 m ²
5	Số 11 Võ Thị Sáu - Hải Phòng	500	Trụ sở Công ty Diện tích sử dụng : 900 m ²
6	Chùa Vẽ - Hải Phòng	98.429	Kho CFS, bãi Container Diện tích sử dụng : 98.429 m ²

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Nam

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2007	% tăng giảm so với năm 2006	Năm 2008	% tăng giảm so với năm 2007
Vốn điều lệ (triệu đồng)	80.373	38.60	80.373	0
Doanh thu thuần (triệu đồng)	185.000	12.16	195.000	5.41
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	53.500	8.37	56.000	4.67
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	46.224	2.44	48.384	4.67
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25%		25%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	58%		60%	
Cổ tức được chia (% trên Vốn điều lệ) dự kiến	18%		18%	

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

* Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Xí nghiệp Cảng Green Port thuộc Công ty CP Container Việt Nam:

- Năm 2006: Cầu tàu số 1 được giảm thuế 50%, cầu tàu số 2 được miễn thuế.
- Năm 2007, 2008: Cầu tàu số 1 và số 2 đều được giảm thuế 50%.

Căn cứ:

Như đã phân tích ở trên, hiện nay Công ty đang có 05 lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là Vận tải bộ; Khai thác cảng biển; Đại lý tàu; Khai thác kho bãi; Kinh doanh hàng hóa khác. Trong đó hoạt động Khai thác cảng biển và Khai thác kho bãi đang là những lĩnh vực đem lại doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty và cũng có tiềm năng phát triển tốt trong thời gian tới.

Nhận thức được điều này, Công ty đã và đang tập trung nghiên cứu, đầu tư và xây dựng các kho CFS với sức chứa lớn, được trang bị hiện đại; Góp vốn thành lập công ty cổ phần Green Logistics để xây dựng trung tâm Logistics ở khu vực phía Nam; Xây dựng cầu xà lan đồng thời trang bị mới máy móc, trang thiết bị cho cảng Green Port.

Bên cạnh đó Công ty còn mở rộng sang lĩnh vực vận tải biển. Đây cũng là lĩnh vực hứa hẹn đem lại doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty. Với lĩnh vực mới này Công ty cũng đã bước đầu lập dự án và triển khai đầu tư từng bước.

Với định hướng phát triển rõ ràng và tập trung vào những lĩnh vực có nhiều tiềm năng đem lại doanh thu và lợi nhuận cao như trên; cộng với những thành tích đã đạt được trong quá khứ, Công ty hoàn toàn có cơ sở vững chắc để đạt được mục tiêu đã đề ra cho năm 2007, 2008 nói riêng và mục tiêu phát triển bền vững nói chung.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Container Việt Nam, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cổ phần Container Việt Nam đang hoạt động. Dựa trên sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao, tốc độ tăng trưởng bình quân trên dưới 8%/năm. Kinh tế đất nước phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành hàng hải Việt Nam tăng trưởng với tốc độ cao hơn trong những năm tới. Bên cạnh đó, nhu cầu vận tải, giao thương trong nước và quốc tế sẽ ra tăng mạnh mẽ sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO.

Các cơ sở dữ liệu của Công ty được xây dựng khá thận trọng để tạo nên doanh thu cũng như lợi nhuận của các năm 2006 - 2008. Việc doanh thu của Công ty tăng mạnh kể từ năm 2006 trở đi là có cơ sở vì:

Theo thống kê năm 2004, có trên 87.000 tấn hàng hoá thông qua Cảng Greenport. Đến hết năm 2005, lượng hàng hoá thông qua đã là 650.000 tấn, năm 2006 là 1.400.000 tấn và dự kiến năm 2007 sản lượng hàng hoá thông qua Cảng sẽ đạt khoảng 2.000.000 tấn.

Quý I/2007, Công ty đưa thêm một cần trục chân đế và 5 xe khung mang Container 40 tấn nữa đi vào hoạt động đã và sẽ tiếp tục đóng góp vào việc nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty trong thời gian tới.

Các dự án sắp triển khai của Công ty là hết sức khả quan, phù hợp với xu thế phát triển của ngành và của đất nước. Vì vậy, tiềm năng tăng trưởng của Công ty là rất tốt.

Cơ cấu doanh thu, giá vốn của Công ty được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong quá khứ, kết hợp với dự báo các yếu tố biến động của thị trường nhiên liệu, thị trường tiêu thụ, quy mô sản xuất của Công ty trong tương lai.

Tỷ suất LNST/doanh thu đạt khoảng 25% và tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt khoảng 60% là mức tỷ suất cao nhưng hoàn toàn có thể đạt được trong điều kiện hiện nay.

Việc trả cổ tức cho cổ đông của Công ty hoàn toàn có thể đảm bảo thực hiện được. Trên thực tế, tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông sẽ được thực hiện dựa trên quyết định tại Đại hội đồng cổ đông; tuy nhiên với dự kiến lợi nhuận các năm như trên, Công ty có thể trả mức cổ tức cao hơn.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là có tính khả thi và hoàn toàn có thể thực hiện được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ đồng thông qua

Năm 2007, Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty đã nhất trí tiến hành triển khai một số hoạt động đầu tư cơ bản, mua sắm thiết bị như sau:

- ★ Dự án xây dựng cầu xà lan 400 T: Được xây dựng tại khu vực Cảng Green port, với chiều dài 52 m và một cần trục bánh lốp sức nâng 40Tấn. Dự án đang được triển khai, dự kiến hoàn thành vào tháng 12 năm 2007. Tổng mức đầu tư: 7,05 tỷ đồng.

- ★ Góp vốn thành lập Công ty cổ phần tiếp vận xanh (Green logistics) tại thành phố HCM để xây dựng trung tâm logistics . Viconship góp 20 tỷ đồng (tương đương 33,33% VĐL của Green logistics). Thời gian thực hiện góp vốn và triển khai dự án : Từ quý 3/2007 và năm 2008.
- ★ Xây dựng kho,bãi thông quan (ICD) tại khu Công nghiệp Hoà Cầm, thành phố Đà Nẵng trên khu đất 18.900 m2 .Thời gian thực hiện năm 2008, vốn đầu tư dự kiến :8,5 tỷ đồng.
- ★ Xây dựng xưởng sửa chữa và bãi chứa Container trên khu đất có diện tích 20.000 m2 tại khu vực Đình Vũ, Hải Phòng; thời gian thực hiện năm 2008, vốn đầu tư dự kiến : 7,5 tỷ đồng.
- ★ Đầu tư thêm cần trục chân đế mới nhãn hiệu Karanbau sức nâng 40 tấn cho Cảng Green port dự kiến vào cuối năm 2008, với giá trị đầu tư dự kiến là 32 tỷ đồng.
- ★ Dự án đầu tư tàu vận tải Container Bắc Nam : Bao gồm 1.320 Teu (vỏ container) và một tàu chở container dưới 15 tuổi ,có sức chở từ 400-600 teu. Thời gian triển khai: Năm 2007 mua 600 teu (vỏ container) ;năm 2008 mua tiếp 720 teu và tàu chở container. Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 210 tỉ đồng.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại Chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 VND (mười nghìn đồng)/cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 8.037.334 (tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tư) cổ phiếu.
4. **Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng**
 - 4.1. **Đối với cổ đông sáng lập**

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2002. Như vậy, tính đến năm 2007, đã quá 03 năm kể từ ngày thành lập nên mọi hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã được bãi bỏ.

4.2. Đối với thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng

Theo điều 8 Nghị định 14, mục đ quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Như vậy số cổ phiếu không thuộc sở hữu nhà nước (bao gồm sở hữu cá nhân và sở hữu của các tổ chức khác) mà các thành viên nêu trên sở hữu hoặc làm đại diện sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Chức vụ	Họ tên	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty	Nguyễn Việt Hoà	139.056	139.056	69.528
Phó chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc	Hoàng Trọng Giang	50.815	50.815	25.408
Ủy viên HĐQT	Nguyễn Văn Tiên	9.711	9.711	4.856
Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Lương Hoài Trân	46.566	46.566	23.283
Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Nguyễn Việt Lãng	40.100	40.100	20.050
Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng	Trần Xuân Bạo	18.000	18.000	9.000
Ủy viên HĐQT	Nguyễn Anh Tuấn	62.947	62.947	31.474
Ủy viên HĐQT	Lương Quốc Trọng	39.043	39.043	19.522
Ủy viên HĐQT	Hoàng Thị Hà	28.941	28.941	14.471
Trưởng Ban KS	Bùi Thị Bích Loan	0	0	0
Thành viên Ban KS	Lâm Văn Tam	9.750	9.750	4875
Thành viên Ban KS	Nguyễn Thị Kim Nhã	13.701	13.701	6.851

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

5. Phương pháp tính giá

Tại thời điểm 31/12/2006:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cp
- Giá trị sổ sách =
$$\frac{\text{Nguồn vốn CSH - Nguồn kinh phí, quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{145.220.953.543}{5.991.500} = 24.237,83 \text{ đồng/cp}$$

Mức giá dự kiến của Công ty trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên phương pháp PEG, phương pháp P/BV và dựa trên mức giá giao dịch thực tế của Công ty tại thời điểm trước khi nộp bộ hồ sơ xin cấp phép niêm yết. Việc tính giá bằng các phương pháp nêu trên có dựa trên sự tham khảo số liệu hoạt động của 09 công ty hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có lĩnh vực hoạt động tương đối tương đồng với Công ty.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức phát hành.

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty cổ phần Container Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000185 ngày 01/04/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Công ty được ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước đối với 02 hạng mục cầu tàu thuộc cảng Green Port: được miễn Thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo và chỉ phải nộp mức thuế suất 20% trong 05 năm tiếp theo.

- Cầu tàu số 1: Công ty đã đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2005; giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2006, 2007, 2008, 2009 và nộp mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp 20% giai đoạn 2010 - 2014.
- Cầu tàu số 2: Công ty đã đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006; giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008, 2009, 2010 và nộp mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp 20% giai đoạn 2011 - 2015.

Thuế suất thuế TNDN là 28%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

❖ *Tổ chức tư vấn*

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở : 95 – 97 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84 – 4) 9 429 396

Fax : (84 – 4) 9 429 408

Email : acbshn@hn.vnn.vn

Website : www.acbs.com.vn

❖ *Tổ chức kiểm toán*

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AASC)

Chi nhánh Hồ Chí Minh : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 – 8) 8 205 944

Fax : (84 – 8) 8 205 942

Email : aasc@hcm.vnn.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với điều lệ mẫu Công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán vốn
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
5. Phụ lục V: Báo cáo kiểm toán (*nguyên văn báo cáo kiểm toán*)
6. Phụ lục VI: Các báo cáo tài chính
7. Các phụ lục khác